

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (Giai đoạn 1).
- Địa điểm thực hiện Dự án: xã Long Thành, xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án khu vực 05 (Theo Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 19/09/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)
- Người đại diện: Trần Xuân Thám
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 02513.547.929
- Địa chỉ liên hệ: Ấp 3, Xã An Phước, Tỉnh Đồng Nai.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi dự án:

Tuyến thoát nước: Tổng chiều dài tuyến thoát nước sân bay Long Thành (giai đoạn 1) dài khoảng 18.811m được nạo vét và gia cố với nội dung cụ thể 2 tuyến thoát như sau:

- a) Tuyến suối Bưng Môn 12.039m được nạo vét và gia cố kè bờ:

Chiều dài tuyến từ hạ lưu cầu Bản (đường ĐT.769) đến điểm cuối giao của suối Bưng Môn với đường cao tốc Long Thành – Dầu Giây (thượng lưu đập Long An) khoảng 9.489m. Điểm kết thúc tuyến Bưng Môn tại vị trí thượng lưu cao tốc Long Thành Dầu Giây, tạo điểm khép kết thúc tuyến, là vị trí đầu phạm vi bán ngập khu vực đập Long An khu vực lòng hồ dự kiến được nạo vét khi nâng cấp mở rộng đập Long An;

Kiên cố hóa tuyến thoát nước từ hồ điều hòa số 2 sân bay quốc tế Long Thành qua công hộp cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành – Dầu Giây dẫn về cầu Bình Sơn 2 (đường ĐT.769) chảy ra suối chính Bưng Môn có chiều dài khoảng 1.257m; Kiên cố hóa suối Nhỏ (ấp 6, xã Long Thành) đoạn từ hồ điều hòa số 3 sân bay Quốc tế Long Thành qua công hộp cao tốc thành phố Hồ Chí Minh – Long Thành –Dầu Giây ra suối chính Bưng Môn (đoạn suối Ông Trữ) có chiều

dài khoảng 1.293m.

Đầu tư kiên cố hóa hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh và đường giao thông công vụ nội bộ 2 bên tuyến.

b) Tuyến suối Đá Vàng 6.772m được nạo vét và gia cố:

Chiều dài tuyến suối nạo vét từ điểm giáp ranh cảng hàng không quốc tế Long Thành (vị trí hồ điều hòa số 5) đến cuối tuyến đổ ra kênh Bà Ký: 6.772m.

Đầu tư kiên cố hóa hệ thống thoát nước, vỉa hè, cây xanh và đường giao thông công vụ nội bộ 2 bên, nạo vét và kiên cố hóa bằng kênh hở.

c) Trên tuyến suối Bưng Môn và suối Đá Vàng đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các cầu giao thông tại vị trí giao cắt trên tuyến.

- Quy mô đầu tư: dự án nhóm B, công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cấp III.

1.3. Công nghệ sản xuất

Đây là dự tiêu thoát nước cho giai đoạn 1 của dự án của Cảng hàng không quốc tế Long Thành, nhằm đảm bảo tăng cường tiêu thoát nước cho lưu vực xung quanh các suối khu vực ven sân bay Long Thành và các tuyến suối khu vực lân cận. Do đó, dự án không có công nghệ sản xuất.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Hạng mục: Tuyến kênh:

+ Tuyến Bưng Môn: từ điểm hạ lưu cầu Bán (đường ĐT.769) đến điểm cuối giao của suối Bưng Môn với đường cao tốc Long Thành-Dầu Giây (thượng lưu đập Long An) khoảng 9.489m. Điểm kết thúc tuyến Bưng Môn tại vị trí thượng lưu cầu cao tốc Long Thành Dầu Giây.

+ Tuyến nhánh từ hồ điều hòa số 2 đến suối Bưng Môn: từ hồ điều hòa số 2 sân bay Quốc tế Long Thành qua cống hộp cao tốc thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây dẫn về cầu Bình Sơn 2 (đường ĐT.769) chảy ra suối chính Bưng Môn khoảng 1.257m;

+ Tuyến nhánh từ hồ điều hòa số 3 đến suối Bưng Môn: Tuyến thoát nước suối Nhỏ (ấp 6, xã Bình Sơn) (Đoạn 4) đoạn từ cống hộp cao tốc thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây ra suối chính Bưng Môn (đoạn suối Ông Trữ) khoảng 1.293m.

+ Tuyến Đá Vàng: Tuyến suối Đá Vàng, phạm vi tuyến suối điểm đầu tại vị trí tiếp nhận cửa xả hồ số 5 của sân bay Long Thành, điểm cuối tiếp giáp Kênh Bà Ký chiều dài tuyến 6.772m.

- Hạng mục: Các công trình trên kênh gồm:

Cầu dân sinh qua kênh, đường quản lý, cống tiêu nước vào kênh, cầu thang cứu hộ.

Bảng 1. Bảng tổng hợp các hạng mục công trình

STT	Hạng mục	Thông số/ số lượng	Đơn vị	Ghi chú
A	TUYẾN SUỐI BUNG MÔN			
A1	Tuyến chính			
	Diện tích giải phóng mặt bằng	52,475	ha	
1	Chiều dài tuyến suối (theo tim suối)	9489,00	m	
	Lưu lượng tiêu thiết kế	336,83	m ³ /s	
1.1	Đoạn 1: Từ Km0+00 đến Km1+593	1583,00	m	
	Lưu lượng tiêu thiết kế	172,57	m ³ /s	
1.1.1	Tuyến suối gia cố hình thang, mái gia cố tấm lát BTCT, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm			
a	Bề rộng đáy	10	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Chiều dài:			
-	Km0+00 - Km0+110	110,00	m	
-	Km0+110 - Km0+302	192,00		
-	Km0+302 - Km1+583	1281,00	m	
1.2	Đoạn 2: Từ Km1+583 - Km3+647	2064,00	m	
	Lưu lượng tiêu thiết kế	223,91	m ³ /s	
1.2.1	Tuyến suối gia cố hình thang, mái gia cố tấm lát BTCT, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm			
a	Bề rộng đáy	12	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Lý trình, chiều dài:			
-	Km1+583 - Km1+743	160,00	m	
-	Km1+812 - Km3+647	1835,00		
1.2.2	Tuyến suối gia cố dạng công hộp kết cấu BTCT			
a	Khẩu diện nx(bxh)	4x(3,0x3,5)	m	
b	Lý trình, chiều dài:			
-	Km1+743 - Km1+812	69	m	
1.3	Đoạn 3: Từ Km3+647 - Km9+489	5842,00	m	
	Lưu lượng tiêu thiết kế	336,83	m ³ /s	

STT	Hạng mục	Thông số/ số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1.3.1	Tuyến suối gia cố hình thang, mái gia cố tấm lát BTCT, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm	1376,00	m	
a	Bề rộng đáy	15	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Lý trình, chiều dài:			
-	Km3+647 - Km5+023	1376	m	
1.3.2	Tuyến suối gia cố hình thang, mái gia cố tấm lát BTCT, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm	4211,00	m	
a	Bề rộng đáy	18	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Lý trình, chiều dài:			
-	Km5+023 - Km5+612	589	m	
-	Km5+668 - Km6+653	985	m	
-	Km6+702 - Km7+ 395	693	m	
-	Km7+438 - Km8+318	880	m	
-	Km8+373 - Km8+534	161	m	
-	Km8+534 - Km9+437	903	m	
1.3.3	Tuyến suối gia cố dạng cống hộp kết cấu BTCT	255,00	m	
a	Khẩu diện nx(bxh)	6x(3,0xH)	m	
b	Lý trình, chiều dài:			
-	Km5+612 - Km5+668	56	m	6x(3,0x4,0)
-	Km6+653- Km6+702	49	m	6x(3,0x4,4)
-	Km7+395 - Km7+438	43	m	6x(3,0x4,4)
-	Km8+318 - Km8+373	55	m	6x(3,0x5,0)
-	Km9+437 - Km9+489	52	m	6x(3,0x5,0)
A2	Tuyến Nhánh	2550,00	m	
2.1	Đoạn 4	1293,00	m	
	Diện tích giải phóng mặt bằng	5,730	ha	
	Lưu lượng tiêu thiết kế	58,17	m3/s	
2.1.1	Tuyến suối gia cố hình thang, mái, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm	199,00		
a	Bề rộng đáy	6	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Lý trình, chiều dài:			
-	Km0 - Km0+062	62,00	m	
-	Km0+062 - Km0+199	137,00		

STT	Hạng mục	Thông số/ số lượng	Đơn vị	Ghi chú
2.1.2	Tuyến suối gia cố hình thang, mái gia cố tấm lát BTCT, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm	1047,00		
a	Bề rộng đáy	6	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Lý trình, chiều dài:			
-	Km0+199 - Km0+901	702,00	m	
-	Km0+ 901 - Km1+133	232,00	m	
-	Km1+133 - Km1+212	79,00	m	
-	Km1+212 - Km1+246	34,00	m	
2.1.3	Tuyến suối gia cố dạng công hộp kết cấu BTCT	47,0		
a	Khẩu diện nx(bxh)	2x(3x4)	m	
b	Lý trình, chiều dài:			
-	Km1+246 - Km1+293	47	m	
2.2	Đoạn 5	1257,00	m	
	Diện tích giải phóng mặt bằng	4,862	ha	
	Lưu lượng tiêu thiết kế	36,96	m3/s	
2.2.1	Phạm vi ranh hàng rào cao tốc	17,00	m	hiện trạng
2.2.2	Tuyến suối gia cố hình thang, mái, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm	52,00		
a	Bề rộng đáy	6	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Lý trình, chiều dài:			
-	Km0+17 - Km0+69	52,00		
2.2.3	Tuyến suối gia cố hình thang, mái gia cố tấm lát BTCT, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm	1015,00		
a	Bề rộng đáy	6	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Lý trình, chiều dài:			
-	Km0+69 - Km0+364	295,00	m	
-	Km0+364 - Km0+794	430,00	m	
-	Km0+945 - Km1+235	290,00		
2.2.4	Tuyến suối dạng bậc nước BTCT	151,00		
a	Bề rộng đáy	6	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Lý trình, chiều dài:			
-	Km0+794 - Km0+894	100	m	
-	Km0+894 - Km0+945	51		hiện trạng

STT	Hạng mục	Thông số/ số lượng	Đơn vị	Ghi chú
2.2.5	Tuyến suối gia cố dạng công hộp kết cầu BTCT	22	m	
a	Khẩu diện nx(bxh)	2x(3x3,5)	m	
b	Lý trình, chiều dài:			
-	Km1+235 - Km1+257	22	m	
A3	Công trình trên tuyến			
3,1	Tuyến chính			
3.1.1	Cống tiêu nước	104,00	cái	
	D600	4,00		
	D1000	80,00		
	D2000	13,00		
	H2- 2x(2x2)m	7,00		
3.1.2	Cầu dân sinh	2,00	cái	
3.1.3	Đường giao thông công vụ nội bộ			
	Loại	B		
	Bề rộng mặt đường Bm	3,50	m	
	Bề rộng lề	0,75	m	
	Chiều dài:			
	Bờ trái:	9327,00	m	
	Bờ phải:	9439,00	m	
3,2	Tuyến nhánh Đoạn 4			
3.1.1	Cống tiêu nước	10,00	cái	
	D600	4,00		
	D1000	5,00		
	D2000	1,00		
3.1.2	Cầu dân sinh	1,00	cái	
3.1.3	Đường giao thông nông thôn			
	Loại	B		
	Bề rộng mặt đường Bm	3,50	m	
	Bề rộng lề	0,75	m	
	Chiều dài:			
	Bờ trái:	1288,00	m	
	Bờ phải:	1287,00	m	
3,3	Tuyến nhánh Đoạn 5			
3.1.1	Cống tiêu nước	12,00	cái	
	D600	6,00		
	D1000	6,00		
3.1.2	Đường giao thông nông thôn			
	Loại	B		
	Bề rộng mặt đường Bm	3,50	m	

STT	Hạng mục	Thông số/ số lượng	Đơn vị	Ghi chú
	Bề rộng lề	0,75	m	
	Chiều dài:			
	Bờ trái:	1266,00	m	
	Bờ phải:	1282,00	m	
B	TUYẾN SUỐI ĐÁ VÀNG			
B1	Tuyến chính			
	Diện tích giải phóng mặt bằng	32,827	ha	
1	Chiều dài tuyến suối (theo tim suối)	6772,00	m	
1,1	Đoạn 1: Từ Km0+00 đến Km2+043	2043,00	m	
	Lưu lượng tiêu thiết kế	79,74	m3/s	
1.1.1	Tuyến suối gia cố hình thang, mái gia cố tấm lát BTCT, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm			
a	Bề rộng đáy	8	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Chiều dài:			
-	Km0+00 - Km0+048	48,0	m	
-	Km0 +096 - Km0+968	872,0	m	
-	Km1 +032 - Km1+292	260,0		
	Km1 +292 - Km1+900	608,0		
-	Km1 +905 - Km2+043	138,0		
1.1.2	Tuyến suối gia cố dạng công hộp kết cấu BTCT	117	m	
a	Khẩu diện nx(bxh)	4x(2x2,5)	m	
b	Lý trình, chiều dài:			
-	Km0+048 - Km0+096	48	m	
-	Km0 +968 - Km1+032	64	m	
-	Km1 +900 - Km1+905	5		
1.2	Đoạn 2: Từ Km2+043 - Km6+772	4068,00	m	
	Lưu lượng tiêu thiết kế	153,87	m3/s	
1.2.1	Đoạn Từ Km2+043 - Km4+441			
	Tuyến suối gia cố hình thang, mái gia cố tấm lát BTCT, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm	1995,00	m	
a	Bề rộng đáy	8	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Lý trình, chiều dài:			
-	Km2+043 - Km2+975	932	m	
-	Km3+337 - Km3+998	661	m	
-	Km3+998 - Km4+400	402	m	

STT	Hạng mục	Thông số/ số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1.2.2	Đoạn Từ Km4+441- Km6+772			
	Tuyến suối gia cố hình thang, mái gia cố tấm lát BTCT, đáy suối gia cố thảm đá dày 30cm	1838,00	m	
a	Bề rộng đáy	10	m	
b	Hệ số mái	1,5		
c	Lý trình, chiều dài:			
	Km4+441 - Km4+863	422	m	
	Km4+908 - Km5+488	580	m	
	Km5+532 - Km6+148	616	m	
	Km6+294 - Km6+419	125	m	
	Km6+427 - Km6+772	345		
1.2.3	Tuyến suối gia cố dạng công hộp kết cấu BTCT	235	m	
a	Khẩu diện nx(bxh)	4x(2,5xH)	m	
b	Lý trình, chiều dài:			
-	Km4+863 - Km4+908	45	m	4x(2,5x3,5)
-	Km5+488 - Km5+532	44	m	4x(2,5x3,8)
-	Km6+148 - Km6+294	146	m	4x(2,5x4,0)
1.2.4	Công trình hiện trạng	411	m	
	Km2+975 - Km3+337	362	m	Phạm vi đường dẫn vào cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu
	Km4+400- Km4+441	41	m	Phạm vi công qua đường QL51 hiện trạng
	Km6+419 - Km6+427	8	m	Phạm vi công qua đường HL12 hiện trạng
B2	Công trình trên tuyến			
2,1	Cống tiêu nước	60,00	cái	
	D600	1,00		
	D1000	55,00		
	D2000	2,00		
	H2- 2x(2x2)m	2,00		
2,2	Cầu dân sinh	1,00	cái	
2,3	Đường giao thông công vụ nội bộ			
	Loại	B		
	Bề rộng mặt đường Bm	3,50	m	
	Bề rộng lề	0,75	m	

STT	Hạng mục	Thông số/ số lượng	Đơn vị	Ghi chú
	Chiều dài:			
	Bờ trái:	6361,00	m	
	Bờ phải:	6361,00	m	

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Đối chiếu với số thứ tự 4 mục a, phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025: Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô trung bình từ 50 ha đến dưới 300 ha.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư:

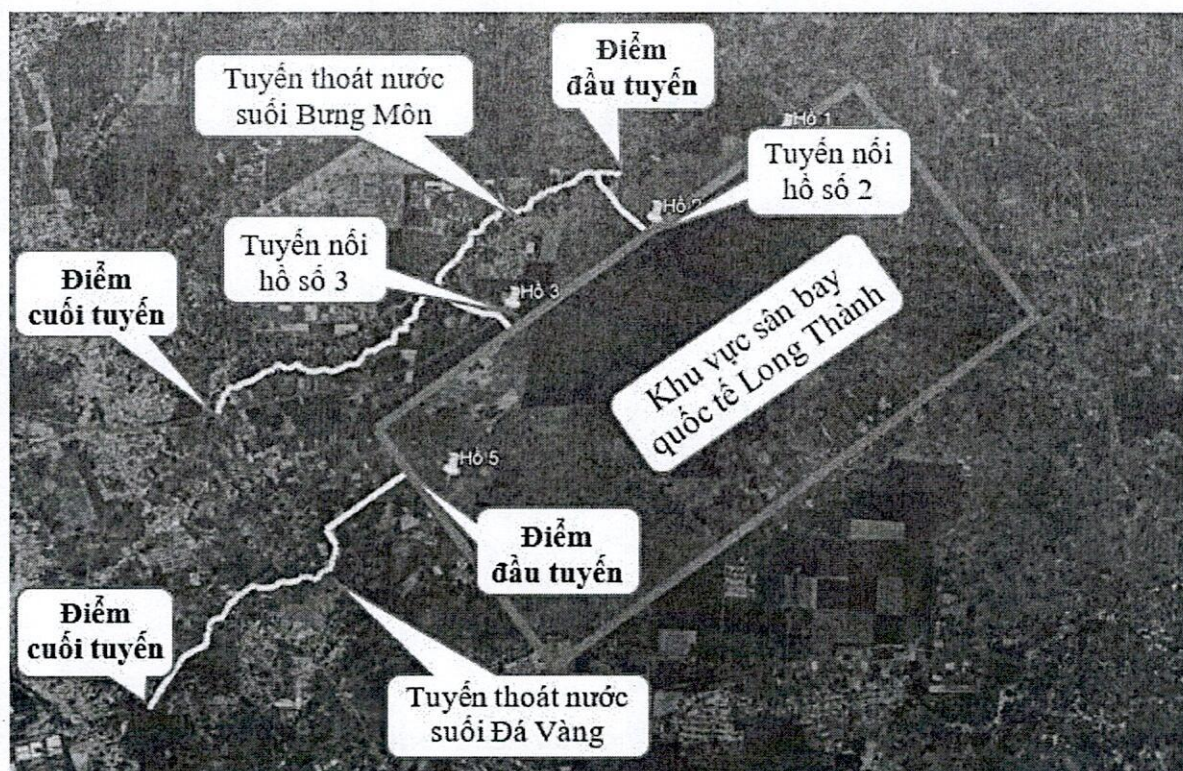
- Vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau

Dự án “Tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (Giai đoạn 1)” tại xã Long Thành, xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai có tổng chiều dài tuyến khoảng 18.881m được nạo vét và gia cố với diện tích dự án khoảng 95,89 ha.

Ranh giới vị trí thực hiện dự án gồm 02 xã, có vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông giáp xã Xuân Đường.
- + Phía Tây giáp xã An Phước và xã Nhơn Trạch.
- + Phía Bắc giáp xã Bình An.
- + Phía Nam giáp xã Phước An và xã Phước Thái.

Ranh giới tuyến dự án được thể hiện trong hình sau:



Hình 1. Vị trí xây dựng tuyến thoát nước suối Bưng Môn, suối Đá Vàng dự án tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1)

Tuyến dự án được giới hạn bởi điểm đầu và điểm cuối như sau:

Tuyến suối Bưng Môn: Điểm đầu tuyến bắt đầu từ hạ lưu cầu Bản (Kinh độ $107^{\circ}2'15''E$, Vĩ độ $10^{\circ}48'15''N$) đến điểm cuối tuyến tại điểm giao suối Bưng Môn với cao tốc Long Thành Dầu Giây và cách đập Long An 800m thuộc xã Long An (Kinh độ $106^{\circ}58'32''E$, Vĩ độ $10^{\circ}46'4''N$).

Tuyến suối Đá Vàng nằm trên xã Long Thành: Điểm đầu tuyến bắt đầu từ vị trí suối giáp sân bay (Kinh độ $107^{\circ}0'18''E$, Vĩ độ $10^{\circ}45'31''N$) đến điểm cuối tuyến tại điểm giao suối kênh Bà Ký (Kinh độ $106^{\circ}57'58''E$, Vĩ độ $10^{\circ}43'26''N$).

- *Mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh.*

Các đối tượng tự nhiên:

+ Hệ sinh thái và thảm thực vật

Trong khu vực dự án không có khu dự trữ sinh quyển hay vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên nào.

Tuyến chủ yếu đi qua vùng đất vườn. Các cây trồng chính là cây ăn quả, rau màu.

+ Hệ động vật

Trong quá trình khảo sát, điều tra và tham vấn người dân địa phương khu vực xây dựng Dự án cho thấy không phát hiện các loài động thực vật quý hiếm,

chỉ có một số loài động vật chủ yếu như một số loài chim sẻ, chim sâu, các loài lưỡng cư như ếch nhái và các loài rắn nước,...

+ Các đối tượng kinh tế - xã hội

Dân cư:

Dự án đi qua 02 xã: xã Long Thành, xã Long Phước.

Tuyến cắt qua một số khu dân cư, hoạt động kinh tế của người dân chủ yếu là làm nông nghiệp và buôn bán (quán nước, sửa xe,...)

- **Các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án.**

Bảng 2. Các đối tượng bị tác động

TT	Tiêu chí xác định	Xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường đối với khu vực dự án	Đối tượng bị tác động	Kết luận
1	Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô trung bình từ 50 ha đến dưới 300 ha	Dự án sử dụng đất mặt nước		Có yếu tố nhạy cảm
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đầu tư xây dựng tiêu thoát nước khu vực ngoài sân bay Long Thành (giai đoạn 1)	Thu hồi đất, trong đó có hộ phải di dời tái định cư	Các hộ bị ảnh hưởng tại dự án xã Long Phước và Long Thành	Có yếu tố nhạy cảm. Tuy nhiên, phần này sẽ được đánh giá trong dự án khác.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

- Các tác động chính của dự án theo từng giai đoạn, bao gồm:

* *Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng*

+ Tổng diện tích chiếm dụng đất khoảng 95,89 ha.

+ Hoạt động chặt hạ sinh khối, thi công nạo vét có thể gây ô nhiễm đất và nước, gia tăng độ đục trên tuyến Tuy nhiên tác động này có tính chất cục bộ, ngắn hạn.

+ Hoạt động thi công, nạo vét, đổ thải cần huy động một lượng lớn máy móc phương tiện thi công vận chuyển. Địa điểm thực hiện dự án ở khu vực sân bay Long Thành với mật độ giao thông lớn, thường xuyên ùn tắc vào giờ cao điểm, mật độ dân cư đông đúc. Do đó, trong quá trình thi công sẽ làm tăng rủi ro tai nạn giao thông với người dân, tăng nguy cơ ùn tắc giao thông trên các tuyến đường quanh khu vực dự án.

+ Hoạt động đào mương đặt cống thoát nước thải đến độ sâu 6-10m có thể gây rủi ro về sạt trượt.

* *Giai đoạn vận hành*

+ Ảnh hưởng của việc nạo vét suối Đá vàng: Căn cứ vào hiện trạng tuyến suối Đá Vàng đã phân đi theo tuyến suối hiện trạng, phương án kênh hình thang là đáp ứng cả về kinh tế, kỹ thuật, phù hợp với các tuyến kênh đã được đầu tư tại khu vực dự án như kênh Bà Ký, suối Nước Trong,.. Riêng với đoạn đầu tuyến suối Đá Vàng với chiều dài khoảng 2,0km, để phù hợp với quy hoạch phát triển hạ tầng, giao thông phương án hóa ngầm bằng cống hộp BTCT là hợp lý.

+ Ảnh hưởng của việc nạo vét suối Bung Môn: Căn cứ vào hiện trạng tuyến Bung Môn và 2 tuyến nhánh đã phân đi theo tuyến suối hiện trạng, phương án kênh hình thang là đáp ứng cả về kinh tế, kỹ thuật, phù hợp với các tuyến kênh đã được đầu tư tại khu vực dự án như kênh Bà Ký, suối Nước Trong,...

+ Hoạt động tuyến cống thu gom nước thải: Sự cố nứt vỡ tuyến cống bao thu gom nước thải có thể khiến nước thải chưa qua xử lý rò rỉ ra môi trường gây ô nhiễm nguồn nước mặt, ảnh hưởng tới điều kiện vệ sinh, điều kiện sống của người dân.

- Các tác động có liên quan đến chất thải

** Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng*

** Quy mô, tính chất của nước thải:*

Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: nước thải sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ hoạt động của các cán bộ công nhân viên phục vụ Dự án

- Lưu lượng: khoảng 2,56 m³/ngày tại 5 công trường thi công

- Thành phần: chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...

Nước thải thi công:

- Nguồn phát sinh: phát sinh từ hoạt động rửa thiết bị, xe vận chuyển

- Lưu lượng: khoảng 4,68 m³/ngày tại 5 công trường thi công.

- Thành phần: chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.

** Quy mô, tính chất của bụi, khí thải*

- Nguồn phát sinh: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình của Dự án và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải

- Khối lượng: tải lượng bụi phát sinh khoảng 0,0330 mg/m.s; SO₂ khoảng 0,0099 mg/m.s; NO₂ khoảng 0,3295 mg/m.s; CO khoảng 0,0991 mg/m.s.

- Thành phần gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂.

** Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt:*

Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: phát sinh từ hoạt động của công nhân trên công trường
- Khối lượng phát sinh: khoảng 20kg/ngày tại 5 công trường thi công
- Thành phần: bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa...

Chất thải rắn thông thường:

- Hoạt động phá dỡ mặt bằng phát sinh chất thải rắn thông thường khoảng 64,015 m³

. Thành phần chủ yếu gồm: bê tông, gạch vỡ, vữa, gỗ, sắt thép, tấm kim loại, ngói vỡ, cửa, đường dây điện, cột điện,...

- Chất thải rắn rơi vãi từ hoạt động thi công, bốc dỡ, vận chuyển trên công trường 46,7 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: gạch đá vỡ, cát, bê tông vỡ,...

- Đất thừa phát sinh từ hoạt động đào đắp khoảng 643.745,131 m³ (toàn bộ được tận dụng lại để đắp nền các công trình trong dự án).

. Thành phần chủ yếu gồm: đất, bùn

- Rác thải sinh hoạt trôi nổi, rác ở lớp bề mặt: lượng rác này khó ước tính khối lượng với thành phần chủ yếu là thực vật trôi nổi (bèo, lục bình), nilong, vỏ chai nhựa, giấy...

* Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh: phát sinh từ hoạt động vận hành máy móc thi công, vệ sinh thiết bị tại các công trường

- Khối lượng: ước tính khoảng 93,5 kg/tháng đối với 5 công trường

- Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau dính dầu, dầu thải máy, pin, ắc quy, bóng đèn hỏng, cặn, văng dầu từ hoạt động rửa xe...

* *Giai đoạn vận hành*

Không có các loại chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành công trình.

Sau khi tuyến thoát nước hoàn thiện và đi vào hoạt động, Ban quản lý dự án khu vực 05 sẽ bàn giao dự án cho cơ quan có chức năng tại khu vực tuyến giám sát, quản lý và đưa vào sử dụng.

- Các tác động không liên quan đến chất thải

* *Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng*

+ Tiếng ồn, độ rung:

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương

tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn vượt giới hạn cho phép từ 2 – 41 dBA theo QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn ở khoảng cách từ 1,5 m và phát sinh độ rung vượt giới hạn cho phép khoảng 4-7 dB theo QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung khoảng cách từ 10 m.

+ Các tác động khác:

Thu hồi đất, GPMB: Dự án dự kiến thu hồi (tuyến suối Bưng Môn và suối Đá Vàng): 958.943,18 m² đất.

Tác động đến giao thông:

Trong quá trình thi công phát sinh số lượng máy móc, phương tiện vận chuyển sẽ có tác động đến các tuyến đường khu vực dự án, gây ách tắc, rủi ro mất an toàn giao thông, hư hỏng đường xá.

Ngập lụt trong quá trình xây dựng:

Hoạt động nạo vét tuyến rạch có thể gây cản trở thoát nước tự nhiên, giảm khả năng thoát nước, ảnh hưởng tới chất lượng nước mặt.

An ninh trật tự xã hội: Việc tập trung đông lao động trên địa bàn có thể gây ra mất an toàn trật tự xã hội, phát sinh tệ nạn, phát sinh mâu thuẫn với người dân địa phương.

Ảnh hưởng tới chất lượng nước mặt: hoạt động thi công, nạo vét có thể ảnh hưởng tới chất lượng nước sông, suối,...

Ảnh hưởng tới công trình thủy lợi: Việc thi công nạo vét có thể gây nứt công trình cống,...

Các rủi ro, sự cố khác: như sự cố cháy nổ, sạt lở, rủi ro bom mìn còn sót lại, rủi ro cháy nổ, rủi ro tai nạn lao động,... gây ảnh hưởng tới người và tài sản.

** Giai đoạn vận hành*

Tiếng ồn: Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng ở khoảng cách 15 m.

Tiêu thoát nước: tiêu thoát nước cho giai đoạn 1 của dự án của Cảng hàng không quốc tế Long Thành ra các tuyến suối tự nhiên ngoài sân bay với 2 tuyến thoát chính là nước suối Bưng Môn và suối Đá Vàng. Tuyến suối Bưng Môn thoát chính cho hồ điều hòa số 02 và hồ điều hòa số 03 của sân bay Long Thành đã được xây dựng. Tuyến suối đá Vàng thoát cho hồ điều hòa số 4 và hồ số 5 của sân bay. Đồng thời, đảm bảo tăng cường tiêu thoát nước cho lưu vực khoảng 3.836ha (lưu vực suối Bưng Môn khoảng 2.698ha và suối Đá Vàng 1.138ha) xung quanh các suối khu vực ven sân bay Long Thành và các tuyến suối khu vực lân cận do tốc độ đô thị hóa nhanh tại khu vực xã Long Thành và xã Long Phước gia tăng diện tích bê tông hóa, làm giảm khả năng hấp thụ nước của đất và gây quá tải hệ

thống thoát nước hiện trạng.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường:

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải

** Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng*

a. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

+ Biện pháp: thuê công nhân tại địa phương để hạn chế phát sinh nước thải sinh hoạt; lắp đặt 5 nhà vệ sinh di động có bể tự hoại (kích thước 2.600 mm x 2.700 mm x 1.350 mm nguyên khối đồng bộ có bể chứa chất thải và bồn nước dự trữ với bồn phân 1.180 lít và bồn nước 1.050 lít) tại 5 công trường thi công để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của Dự án. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Quy trình: nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh lưu động → đơn vị chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý.

** Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng:*

+ Biện pháp: xây dựng hệ thống cầu rửa xe và hệ thống rãnh thu gom (kích thước 0,5 x 0,5 m) để thu gom nước thải xây dựng tại công trường thi công đưa vào hố tách dầu kích thước khoảng (1 x 1 x 1 m) và hố lắng kích thước khoảng (1 x 1 x 1 m). Nước rửa sau khi được bẫy dầu và lắng cát được sử dụng làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công. Váng dầu được thu gom, lưu trữ cùng chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của Dự án theo quy định.

+ Quy trình: Nước thải xây dựng → rãnh thu gom (0,5m x 0,5m) → hố tách dầu (1x1x1m) → hố lắng (1x1x1m) → tận dụng 1 phần làm ẩm vật liệu đất thải khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

** Nước mưa chảy tràn:*

Biện pháp: thường xuyên thu dọn các chất bẩn trên mặt bằng công trường thi công, đảm bảo thi công tới đâu gọn gàng tới đó; hạn chế thi công vào mùa mưa lũ; xây dựng hệ thống các rãnh thu nước dọc công trường đang tiến hành thi công kích thước 0,5 x 0,5m, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ.

Quy trình: nước mưa chảy tràn → rãnh thoát nước 0,5m x 0,5m → suối Bưng Môn, suối Đá Vàng.

b. Về xử lý bụi, khí thải:



Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau để giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh:

Sử dụng xe có lắp vòi phun dạng phun tia để tưới nước giảm bụi khu vực các đoạn đường đang thi công đào đắp, thảm đường tần suất 3 lần/ngày; sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường đảm bảo tất cả các xe được rửa sạch bùn đất trước khi ra khỏi công trường đảm bảo môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

Chất thải rắn sinh hoạt: lắp đặt 2-3 thùng loại 180 lít/mỗi công trường tại khu vực 5 công trường thi công đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn phát sinh do phá dỡ nhà và công trình: Lượng chất thải này một phần (như sắt thép, kim loại, gỗ, xà bần...) được thu gom để bán cho các cơ sở tái chế (ước tính chiếm từ 20-25% khối lượng); phần còn lại, chủ dự án sẽ thuê đơn vị chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo quy định

+ Chất thải rắn trong quá trình xây dựng:

- Đối với đất đào nền, đất bóc hữu cơ: do tính chất không hoặc ít chứa các thành phần độc hại, toàn bộ lượng đất này có thể tận dụng làm đất đắp nền cho công trình dự án hoặc đất trồng cây.

- Đối với các loại chất thải rơi vãi phát sinh từ hoạt động thi công, bóc dỡ nguyên vật liệu, vận chuyển trên công trường như: gạch đá vỡ, cát, bê tông vỡ,... Chủ dự án hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom đổ thải theo quy định.

- Bùn thải được múc lên cho vào xe bồn kín, thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đổ tại các bãi chứa, đáp ứng các yêu cầu của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 và Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/05/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

- Phần rác thải sinh hoạt trôi nổi, bèo, lục bình, rác lãng bề mặt đáy kênh thuê đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại khu xử lý chất thải rắn tập trung của xã.

d. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và lưu chứa trong các thiết bị chuyên dụng có dung tích khoảng 180 lít (bố trí khoảng 2-3 thùng/công trường đối với 5 công trường), bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ. Chất thải nguy hại được lưu giữ trong các kho chứa chất thải nguy hại tạm thời tại mỗi công trường thi công dọc tuyến (diện tích kho khoảng 5 m²/công trường), có mái che, có gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Sau khi hoàn thành thi công, Chủ dự án tháo dỡ kho tạm hoàn trả mặt bằng.

** Giai đoạn vận hành*

- Đối với công trình xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại: không có
- Tuyến thoát nước:

+ Tuyến Bụng Môn: từ điểm hạ lưu cầu Bản (đường ĐT.769) đến điểm cuối giao của suối Bụng Môn với đường cao tốc Long Thành-Dầu Giây (thượng lưu đập Long An) khoảng 9.489m. Điểm kết thúc tuyến Bụng Môn tại vị trí thượng lưu cầu cao tốc Long Thành Dầu Giây.

+ Tuyến nhánh từ hồ điều hòa số 2 đến suối Bụng Môn: từ hồ điều hòa số 2 sân bay Quốc tế Long Thành qua cống hộp cao tốc thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây dẫn về cầu Bình Sơn 2 (đường ĐT.769) chảy ra suối chính Bụng Môn khoảng 1.257m;

+ Tuyến nhánh từ hồ điều hòa số 3 đến suối Bụng Môn: Tuyến thoát nước suối Nhỏ (ấp 6, xã Bình Sơn) (Đoạn 4) đoạn từ cống hộp cao tốc thành phố Hồ Chí Minh-Long Thành-Dầu Giây ra suối chính Bụng Môn (đoạn suối Ông Trữ) khoảng 1.293m.

+ Tuyến Đá Vàng: Tuyến suối Đá Vàng, phạm vi tuyến suối điểm đầu tại vị trí tiếp nhận cửa xả hồ số 5 của sân bay Long Thành, điểm cuối tiếp giáp Kênh Bà Ký chiều dài tuyến 6.772m.

- Bùn nạo vét:

+ Đơn vị quản lý phải đảm bảo kinh phí duy tu tuyến suối Bụng Môn và Đá Vàng, cống thu gom nước thải.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thực hiện hiện nạo vét bùn trên tuyến rạch, tuyến cống thu gom nước thải để đảm bảo tiêu thoát nước.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

** Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng*

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm của tiếng ồn, độ rung

- Tắt máy móc thiết bị khi không thi công để hạn chế cộng hưởng tiếng ồn phát sinh.

- Không vận chuyển phế thải, vật liệu xây dựng qua các khu dân cư vào ban đêm.

- Công nhân vận hành máy phát điện, máy gây ồn (như máy phá bê tông, phun bê tông...) sẽ được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.

- Cộng đồng địa phương sẽ được thông báo về lịch trình và thời gian xây dựng;

- Các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên

Quy chuẩn áp dụng: Đảm bảo tiếng ồn, độ rung đáp ứng các quy chuẩn QCVN26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Định kỳ thực hiện giám sát sụt lún tuyến suối Đá Vàng và Bung Môn trong suốt quá trình thi công nạo vét, xây kè 2 tuyến suối, đào lắp cống thoát nước thải.

Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động:

+ Lắp đặt biển báo tốc độ, biển báo công trường, rào chắn tại các vị trí nguy hiểm (cống, hố đào); tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động phù hợp cho công nhân.

- Thiết kế, thi công hệ thống cống thoát nước đồng bộ trên toàn tuyến để đảm bảo khả năng thoát nước;

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn.

- Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

+ Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất và hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi thường, hỗ trợ; chỉ triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành tại các khu vực triển khai thi công.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông đô thị trong giai đoạn thi

công: Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; Lắp đặt hệ thống đèn, giới hạn tốc độ, trọng tải, khoảng cách an toàn và các biển chỉ dẫn, hệ thống an toàn giao thông khác theo quy định tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát; Bố trí đường tạm trong trường hợp thi công đường gây ảnh hưởng tới việc tiếp cận các khu vực sinh sống, làm việc của người dân.

- Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; Tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động; Không tập kết vật tư, vật liệu, thiết bị, làm lán trại gần sông, rạch, công trình thủy lợi.

- Biện pháp giảm thiểu tác động tới hệ sinh thái: giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất xuống sông, rạch; Hoàn nguyên môi trường, thanh thải lòng suối Đá Vàng và Bưng Môn ngay sau khi kết thúc thi công.

** Giai đoạn vận hành*

- Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông: Lắp đặt hệ thống đèn, biển báo an toàn giao thông, giới hạn tốc độ, trọng tải, khoảng cách an toàn và các biển chỉ dẫn, hệ thống an toàn giao thông khác theo quy định tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát.

- Đặt biển tuyên truyền bảo vệ môi trường, người dân không vứt rác sinh hoạt bừa bãi trên tuyến suối.

- Biện pháp giảm thiểu sạt lở:

- + Xây dựng tuyến kè dọc suối Bưng Môn, Đá Vàng theo đúng thiết kế được phê duyệt.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- * Chương trình quản lý: Chủ dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường đảm bảo đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 2 của Báo cáo này.

** Giai đoạn chuẩn bị thi công và thi công xây dựng*

- a) Quản lý, giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, vật liệu thải và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại CTR sinh hoạt, CTR thông thường và CTNH theo quy định.

- Định kỳ chuyển giao CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường CTNH cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b) Giám sát môi trường nước, không khí, tiếng ồn, độ rung

Giám sát chất lượng không khí

- Vị trí giám sát: khu vực phía Bắc dự án, khu vực giữa dự án và khu vực phía nam dự án.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi, CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn.

- Số lượng: 3 mẫu (điểm đầu, điểm giữa và điểm cuối dự án)

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- + QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: suối Bưng Môn và suối Đá Vàng.

- Thông số giám sát: giám sát những thông số cơ bản.

- Số lượng: 2 mẫu

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

c) Giám sát khác

- Giám sát việc thoát nước của hệ thống cống ngang và tình trạng ngập úng.

- Giám sát việc hoàn nguyên môi trường sau khi thi công Dự án.

- Giám sát tình trạng tràn đổ đất xuống các nguồn nước kế cận vị trí thi công.

- Giám sát thường xuyên sụt lún nền đường tại các vị trí xử lý nền đất yếu.

- Giám sát thường xuyên việc thoát nước của hệ thống cống ngang và tình trạng ngập úng dọc tuyến đường của Dự án.

- Giám sát thường xuyên xói lở bờ sông, suối khu vực cầu.

** Giai đoạn vận hành*

Sau khi tuyến thoát nước hoàn thiện và đi vào hoạt động, Ban quản lý dự án khu vực 05 sẽ bàn giao dự án cho cơ quan có chức năng tại khu vực tuyến giám sát, quản lý và đưa vào sử dụng.

- Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành.

+ Thực hiện rà phá bom, mìn khu vực Dự án trước khi thi công xây dựng,

+ Định kỳ thực hiện giám sát sạt lở ven tuyến suối Bung Môn và Đá Vàng trong suốt quá trình thi công nạo vét, xây kè suối Bung Môn và Đá Vàng.

+ Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: lắp đặt biển báo tốc độ, biển báo công trường, rào chắn tại các vị trí nguy hiểm (cống, hố đào); tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động phù hợp cho công nhân.

+ Thiết kế, thi công hệ thống cống thoát nước đồng bộ trên toàn tuyến để đảm bảo khả năng thoát nước;

+ Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn

2.5. Các nội dung khác

- Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản hoặc chôn lấp chất thải: Không có.

- Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đối với dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật: không có.

3. Cam kết của Chủ dự án

Chủ đầu tư cam kết thực hiện theo đúng chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo; tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án, cụ thể như sau:

Cam kết chỉ thực hiện thi công dự án sau khi hoàn thành các thủ tục về đền bù, giải tỏa mặt bằng, không có bất cứ khiếu kiện nào từ người dân.

Cam kết thực hiện các quy định chung về bảo vệ môi trường

Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường và các thông tư, nghị định có liên quan.

Cam kết hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình dự án, công trình bảo vệ môi trường theo phương án đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; thông báo bằng văn bản đến cơ quan đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Đảm bảo tiến độ thực hiện các công trình hạng mục môi trường sẽ diễn ra đồng bộ với tiến độ thi công xây dựng dự án, và hoàn thành trước khi dự án đi vào hoạt động.

Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy, nổ, phòng ngừa sự cố, tai nạn lao động theo đúng các quy định của luật pháp hiện hành.

Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về công tác bảo vệ môi trường đối với toàn bộ dự án, trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động của dự án; vận hành và giám sát các công trình xử lý môi trường; phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác quản lý an ninh trật tự và tệ nạn xã hội.

Các cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị xây dựng và đến khi đi vào vận hành chính thức như đã trình bày trong báo cáo.

Chủ dự án cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, bồi thường thiệt hại về môi trường. Cam kết đền bù khi để xảy ra các sự cố, vấn đề liên quan đến giải phóng mặt bằng.

Cam kết đền bù, phục hồi và hoàn trả đất, đường mà dự án chiếm dụng tạm thời;

Cam kết trong quá trình thi công xây dựng dự án không để xảy ra sự cố tác động đến các công trình dân sinh xung quanh và các đối tượng khác, chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, khắc phục sự cố theo quy định khi để xảy ra sự cố.

**CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
KHU VỰC 05**



Trần Xuân Thám